TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/ DS-ST
Ngày: 16-3-2018
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Ngọc Diệp;

2/ Ông Trần Hữu Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa Án Nhân Dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2017/ TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-DS ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.**

Trụ sở: 30 P, quận N, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Võ Minh T1 ủy quyền cho ông Lê V – Giám đốc chi nhánh B theo quyết định ủy quyền số 1094/QĐ-DAB-PC ngày 21/6/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ.

Trụ sở chi nhánh: 336 A1, Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnhT.

Ông Lê V ủy quyền cho chị **Võ Thị Yến X** sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: 336 A1, Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnhT.

Theo văn bản ủy quyền số 24/QĐ-TA-BTE ngày 02/3/2018.

Bị đơn: **Mai Văn T**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 47, ấp M, xã T, thành phố B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2017, bản tự khai ngày 11/12/2017 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn trình bày như sau*:

Ông Mai Văn T có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B (Ngân hàng), vào ngày 17/9/2013 Ngân hàng đã ký giấy đăng ký vay tiền trả góp theo hợp đồng số 0081653401T13004 với ông Mai Văn T, chi tiếc như sau:

Thông tin khoản cấp vốn vay:

Mã đợt vay: 0081653401T13004

Số tiền vay: 20.000.000đ

Ngày vay: 17/9/2013

Ngày đáo hạn: 17/9/2016

Lãi suất vay: 10,2%/năm.

Thời hạn vay 36 tháng.

Số tiền trả nợ mỗi tháng (35 tháng): 730.000đ và 570.000đ tháng cuối cùng.

Mục đích vay: Tiêu dùng trả góp

Biện pháp đảm bảo vay: tín chấp.

Trong quá trình vay ông T không trả vốn, lãi cho Ngân hàng, đến ngày 26/12/2013 Ngân hàng đến Ủy ban nhân dân xã M thì biết ông T đã nghĩ việc, Ngân hàng đã thu nợ của ông T từ số tiền trợ cấp thôi việc của ông T do Ủy ban nhân dân xã M giao là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền vốn. Tiếp đó ngày 26/9/2016 Ủy ban nhân dân xã M có trích tiền quỹ tương trợ nộp lãi quá hạn cho ông T số tiền là 178.648đ (Một trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi tám đồng).

Từ khi nhận số tiền của Ủy ban nhân dân xã M giao cho đến nay Ngân hàng không thu được tiền của ông T lý do ông T không còn ở địa phương. Tính đến ngày 02/8/2017 ông T còn phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 10.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 5.941.352đ, tiền lãi quá hạn là 1.648.250đ.

Tổng cộng ông T còn nợ Ngân hàng tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 02/8/2017 là 17.589.602đ (Mười bảy triệu năm trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm lẻ hai đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu ông T trả cho Ngân hàng số tiền 17.589.602đ và yêu cầu tính tiền lãi phát sinh là 15,2%/năm từ ngày 03/8/2017 cho đến khi ông T trả hết số tiền nợ Ngân hàng.

* Ông Mai Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Tuấn không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến về yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên Toà, trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B yêu cầu ông Mai Văn T trả tiền vay, theo hợp đồng mục đích vay tiền của ông Tuấn là để tiêu dùng, từ đó có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng". Ông T có đăng ký hộ khẩu và tại thời điểm vay ông T sinh sống tại số nhà 47, ấp M, xã T, thành phố B, T nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Mai Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Mai Văn T trả tiền vốn vay, lãi trong hạn, lãi quá hạn là 17.589.602đ (Mười bảy triệu năm trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm lẽ hai đồng) tính đến ngày 02/8/2017 và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/8/2017 cho đến khi trả xong nợ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Vào ngày 17/9/2013 ông Mai Văn T có ký kết giấy đăng ký vay tiền trả góp (Kiêm khế ước nhận nợ) (Áp dụng cho CBNV của các cơ quan Nhà nước) với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B. Theo nội dung giấy đăng ký vay tiền trả góp thì ông T vay của Ngân hàng số tiền vốn là 20.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay là 10,2%/năm, mục đích vay là tiêu dùng, tài sản đảm bảo là tín chấp, trả mỗi tháng là 730.000đ, tháng cuối cùng trả 570.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T không trả tiền vốn, lãi cho Ngân hàng, ngày 26/12/2013 Ngân hàng đến Ủy ban nhân dân xã M thì biết ông T đã nghĩ việc, Ngân hàng đã thu nợ của ông T từ số tiền trợ cấp thôi việc của ông T do Ủy ban nhân dân xã M giao là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền vốn. Tiếp đó ngày 26/9/2016 Ủy ban nhân dân xã M có trích tiền quỹ tương trợ nộp lãi quá hạn cho ông T số tiền là 178.648đ (Một trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi tám đồng), tổng cộng vốn lãi đã trả là 10.178.648đ, còn nợ Ngân hàng số tiền vốn và lãi suất tính đến ngày 02/8/2017 là 17.589.602đ (Mười bảy triệu năm trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm lẽ hai đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy theo như giấy đăng ký vay tiền trả góp ngày 17/9/2013 thì ông T có ký kết với Ngân hàng và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M, nơi ông T đang làm việc tại thời điểm ký kết, qua đó cho thấy giấy đăng ký vay tiền trả góp là do ông T ký kết là có thật và hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đã ký kết thì đến ngày 17/9/2016 ông T phải trả đủ số tiền vốn và lãi cho Ngân hàng nhưng từ ngày hết hạn trả nợ cho đến ngày 02/8/2017 ông T vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ông T đã sử dụng hết quyền

nhận tài sản nhưng không thanh toán đủ tiền nợ vốn và tiền lãi suất là đã vi phạm nghĩa vụ tại phần III (phần cam kết của khách hàng vay) là cam kết thanh toán vốn và lãi đúng theo quy định của Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng yêu cầu ông Tuấn trả nợ vốn là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Ngân hàng yêu cầu ông T trả lãi suất trong hạn tính từ ngày 17/9/2013 đến ngày 17/9/2016 là 5.941.352đ, lãi suất quá hạn tính từ ngày 17/5/2015 đến ngày 02/8/2017 là 1.648.250đ.

Hội đồng xét xử xét thấy do ông T chậm thanh toán trả tiền vốn và lãi suất khi đến hạn là đã vi phạm hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng yêu cầu ông T trả lãi suất theo giấy đăng ký vay tiền trả góp ngày 17/9/2013 là có căn cứ nên được chấp nhận, cụ thể lãi trong hạn tính từ ngày 17/9/2013 đến ngày 17/9/2016 là 5.941.352đ, lãi suất quá hạn tính từ ngày 17/5/2015 đến ngày 02/8/2017 là 1.648.250đ, tổng cộng là 7.589.602đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm lẽ hai đồng).

Ngoài ra ông T còn phải trả lãi suất quá hạn cho Ngân hàng tính từ ngày 03/8/2017 cho đến khi trả xong số nợ cho Ngân hàng.

Tổng cộng tiền vốn, lãi ông T phải trả tính từ ngày 17/9/2016 cho đến ngày 02/8/2017 là 17.589.602đ (Mười bảy triệu năm trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm lẽ hai đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do ông T là người phải trả nợ cho Ngân hàng nên ông Tuấn phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Cụ thể: 17.589.602đ x 5% = 879.500đ (Tám trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Do yêu cầu của Ngân hàng được xem xét chấp nhận nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 424, 427, 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, khoản 2, 3 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" đối với ông Mai Văn T.

2/ Buộc ông Mai Văn T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B số tiền 17.589.602đ (Mười bảy triệu năm trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm lẻ hai đồng) tính đến ngày 02/8/2017, trong đó tiền nợ vốn là 10.000.000đ, tiền lãi

trong hạn là 5.941.352đ, tiền lãi quá hạn là 1.648.250đ.

Ông T còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B lãi suất phát sinh trên số tiền vốn 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo mức lãi suất trong giấy đăng ký vay tiền trả góp ngày 17/9/2013, kể từ ngày 03/8/2017 cho đến khi ông T thanh toán xong số tiền vốn 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Mai Văn T phải nộp là 879.500đ (Tám trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Hòan trả cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 440.000đ (Bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013174 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4/ Ngân hàng được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, ông T được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Châu